

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2805/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số (DTTS) giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”. UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số trường, học sinh, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường có học sinh DTTS

(Phụ lục 1 đính kèm)

2. Thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Mạng lưới trường, lớp và quy mô giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, đáp ứng nhu cầu gửi trẻ ngày càng cao của con em Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Các chế độ chính sách của nhà nước cho ngành giáo dục được thực hiện kịp thời, tỉnh đã quan tâm, có chính sách hỗ trợ thêm cho phát triển giáo dục mầm non như kinh phí hỗ trợ chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên; kinh phí đầu tư trang thiết bị tối thiểu cho các lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, thiết bị đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non.

- Thực hiện tốt việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí; thực hiện kịp thời, đúng đối tượng thuộc chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3 - 4 tuổi, trẻ 5 tuổi theo quy định.

- Nghị quyết số 99/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh về Đề án “Sửa học đường” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ, không chế thừa cân, béo phì tại các trường mầm non.

- Công tác xã hội hóa giáo dục, quy mô trường, lớp mầm non tự thực phát triển nhanh góp phần giảm bớt gánh nặng và tình trạng quá tải cho các trường mầm non công lập.

b) Khó khăn

- Trong thời gian qua, UBND tỉnh và các huyện đã có sự quan tâm đầu tư rất lớn về cơ sở vật chất nhưng mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất các cơ sở giáo

đọc vẫn còn hạn chế do học sinh tăng cơ học quá lớn, các trường mầm non công lập phát triển không kịp thời để đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của nhân dân, nhất là khu vực đông dân cư, khu vực có khu công nghiệp dẫn đến phát sinh nhiều nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục chưa được cấp phép đã đi vào hoạt động hoặc nhiều nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục đã được cấp phép, tiếp nhận số học sinh vượt mức quy định nhưng chưa làm thủ tục để thành lập trường mầm non tư thục.

- Một số huyện có địa bàn rộng, dân cư phân tán dẫn đến các trường mầm non công lập có nhiều điểm lẻ, không đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đa số các em học sinh DTTS mới vào lớp 1 đều sử dụng tiếng Việt nên bước đầu còn nhiều hạn chế như phát âm không đúng chính tả, viết từ, câu sai vắn, mau quên...; nhiều học sinh còn hạn chế trong sử dụng vốn từ, phát từ ngữ, câu khi nói và viết, nói không trọn câu, diễn đạt chưa hết ý.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu chung

a) Tập trung tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS, bảo đảm các em có kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng tiếng Việt để hoàn thành chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục tiểu học; tạo tiền đề để học tập, lĩnh hội tri thức của các cấp học tiếp theo; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững các dân tộc thiểu số, đóng góp vào sự tiến bộ, phát triển của đất nước.

b) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục; bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học trong công tác tăng cường tiếng Việt; phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng, các nguồn lực đầu tư cho các địa phương để nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Từ nay đến năm 2020 huy động ra lớp ít nhất 25% trẻ em người DTTS độ tuổi nhà trẻ; 65% trẻ em người DTTS độ tuổi mẫu giáo toàn tỉnh ra lớp; trong đó 100% trẻ em DTTS trong các cơ sở giáo dục mầm non được tập trung tăng cường tiếng Việt phù hợp theo độ tuổi. 100% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo có thể trao đổi, giao tiếp với nhau tại lớp bằng tiếng Việt một cách thành thạo trên cơ sở vẫn bảo tồn được tiếng mẹ đẻ.

b) Đến năm 2025, có ít nhất 40% trẻ em người DTTS độ tuổi nhà trẻ; 85% trẻ em người DTTS độ tuổi mẫu giáo toàn tỉnh ra lớp, trong đó 100% trẻ em DTTS trong các cơ sở giáo dục mầm non được tập trung tăng cường tiếng Việt phù hợp theo độ tuổi.

c) Huy động 100% học sinh tiểu học người DTTS ra lớp đúng độ tuổi; hàng năm 100% học sinh tiểu học người DTTS được tập trung tăng cường tiếng Việt.

d) 100% cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và tiểu học dạy vùng DTTS được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt.

đ) 100% các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học có học sinh cần tăng cường tiếng Việt được bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu, phần mềm, phục vụ dạy học.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

(Phụ lục 2 đính kèm)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác truyền thông

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên và cộng đồng đối với việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS. Chủ động, tích cực phối hợp với các lực lượng xã hội huy động tối đa trẻ em, học sinh người DTTS trong độ tuổi đến trường được đến trường học, bảo đảm tỷ lệ học sinh chuyên cần, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học.

b) Thiết kế và triển khai các chuyên mục, chuyên trang trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em.

c) Tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về tiếng Việt cho cha, mẹ trẻ em là người DTTS, cộng đồng vùng đồng bào DTTS để xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng. Vận động các gia đình người DTTS tạo điều kiện cho con em đến trường, lớp và học 2 buổi/ngày, bảo đảm chuyên cần đối với trẻ.

2. Trang bị học liệu, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, xây dựng môi trường tiếng Việt

a) Hướng dẫn thực hiện tài liệu, học liệu, tranh ảnh, băng đĩa phù hợp, thân thiện với trẻ em người dân tộc thiểu số cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học vùng DTTS.

b) Bổ sung, thay thế, cung cấp thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, học liệu, thực hiện phần mềm dạy học tiếng Việt phù hợp cho tất cả các lớp, điểm trường mầm non, tiểu học ở các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn có trẻ em người DTTS.

c) Xây dựng và đảm bảo duy trì môi trường tiếng Việt trong các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học có trẻ em người DTTS.

d) Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình về tăng cường tiếng Việt tại các địa phương phù hợp với điều kiện, đặc điểm vùng miền.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học có trẻ em người DTTS, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ cho trẻ em người DTTS

a) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy trẻ em người DTTS về: Công tác quản lý, phương pháp, kỹ năng tăng cường tiếng Việt phù hợp với đối tượng trẻ em người DTTS.

b) Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy trẻ em người DTTS.

c) Tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ công tác viên hỗ trợ ngôn ngữ.

d) Nghiên cứu xây dựng và thực hiện một số chính sách đặc thù đối với đội ngũ giáo viên tham gia tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS.

4. Công tác xã hội hóa giáo dục

a) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm huy động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS.

b) Huy động các tổ chức, đoàn thể như: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Khuyến học; Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và trẻ em người DTTS.

c) Huy động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí, sách vở, tài liệu, học liệu, đồ dùng, đồ chơi hỗ trợ việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS.

5. Chế độ chính sách

a) Thực hiện chính sách hỗ trợ cho giáo viên mầm non tại các xã vùng khó khăn tham gia giảng dạy cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS theo quy định tại Khoản 4, Điều 7 Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ.

b) Xây dựng, ban hành chế độ hỗ trợ đối với đội ngũ giáo viên tham gia tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS ở bậc học tiểu học và giáo viên mầm non ở các vùng không phải vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kinh phí để thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn chi thường xuyên cho ngành Giáo dục và Đào tạo. Việc bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 2/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Triển khai Kế hoạch thực hiện trong ngành Giáo dục và Đào tạo. Trực tiếp kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch theo từng năm.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành tham mưu UBND ban hành các cơ chế chính sách cần thiết để hỗ trợ giáo viên dạy các lớp có học sinh DTTS và hỗ trợ giáo viên dạy tiếng dân tộc.

d) Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai; Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai thực hiện thiết kế và triển khai chuyên mục, chuyên trang nhằm hỗ trợ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em.

đ) Chỉ đạo việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non, tiểu học có trẻ em người DTTS, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, thanh tra tài chính theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Sở Kế hoạch và đầu tư

a) Phối hợp Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối, bố trí và phân cấp nguồn vốn chương trình kiên cố hóa trường học, đầu tư cho việc triển khai Kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, tiểu học người DTTS theo đúng tiến độ.

b) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát nhu cầu bổ sung, thay thế đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy cho các đơn vị tăng cường tiếng Việt.

4. Ban Dân tộc tỉnh

a) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ người DTTS.

b) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ công tác viên hỗ trợ ngôn ngữ cho trẻ em người DTTS, tập huấn về tiếng Việt cho cha mẹ trẻ em là người DTTS, cộng đồng vùng đồng bào DTTS để xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan báo, đài tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu các chế độ chính sách cho trẻ em người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học theo quy định của Chính phủ.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

a) Thực hiện công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho các cấp, cộng đồng về việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em DTTS. Vận động các gia đình người DTTS tạo điều kiện cho con em đến trường, học 2 buổi/ngày và đi học chuyên cần. Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể tại địa phương thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ công tác tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học có trẻ em người DTTS.

c) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo trực thuộc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục tăng cường tiếng Việt tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học có học sinh dân tộc; phối hợp các Trung tâm học tập cộng đồng tại địa phương tổ chức cho giáo viên dạy trẻ em người DTTS học tiếng dân tộc nơi giáo viên công tác.

8. Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

a) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục đích và sự cần thiết của Kế hoạch nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên và cộng đồng đối với việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS. Thực hiện các chuyên mục hỗ trợ cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em.

b) Thiết kế và triển khai các chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và lực lượng vũ trang

Huy động cán bộ, chiến sỹ, hội viên, đoàn viên, đoàn viên tham gia dạy tiếng Việt và các hoạt động hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và trẻ em người DTTS ở khu vực biên giới gắn với hỗ trợ thực hiện xóa mù chữ, chống tái mù chữ và xây dựng xã hội học tập cộng đồng.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2020 định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo)/.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX. Long Khánh, TP. Biên Hòa;
- Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh (VX);
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp



Phụ lục I

SỐ LIỆU TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN
CÁC TRƯỜNG CÓ TRẺ EM DÂN TỘC THIỂU SỐ (Năm học 2018 -2019)

(Kèm theo Kế hoạch số 3680/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Trẻ mầm non

	Số Trường Mầm non	Số điểm trường	Số trẻ DTTS trong độ tuổi	Số trẻ DTTS ra lớp	Tỷ lệ	Ghi chú
Trẻ nhà trẻ	174	361	2.418	387	16%	Chăm: 254; Thái: 24; Nùng: 446; Châu Ro: 540; Khơ Me: 195; Tày: 444; Mường: 105; Chám: 58; H'rê: 32; Ê Đê: 40; Châu Mạ: 142; S Tiêng: 52; Miên: 2; Thổ: 20; Sán Diu: 40; Gia Rai: 6; Dao: 33; Thái: 17; Măng: 6; Sán Chay: 26; Giáy: 4; Cơ ho: 51; Chouro: 165; Mán: 4; Sán Chi: 2; Churu: 24; MNông: 2; Cao Lan: 8; Hán: 5; Vân Kiều: 1; Mạ: 56
Trẻ mẫu giáo			4.736	2.431	51,3%	

2. Học sinh tiểu học

	Số trường	Số trẻ DTTS trong độ tuổi tiểu học	Số trẻ DTTS ra lớp Trên địa bàn	Tỷ lệ
Học sinh	317	18.711	18.160	97,6%

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non

Huyện (TX, TP)	Số trường	Tổng số CBQL, GV	Chia ra		Trong đó GV người DTTS
			CBQL	GV	
Biên Hòa	13	282	34	248	
Long Khánh	19	525	54	471	13
Xuân Lộc	18	709	52	657	13
Cẩm Mỹ	10	340	31	309	
Định Quán	22	702	61	641	19
Tân Phú	21	584	56	528	16
Long Thành	15	324	36	288	04
Nhơn Trạch	06	176	17	159	
Trảng Bom	16	363	39	324	05
Thống Nhất	24	502	58	444	05
Vĩnh Cửu	10	282	29	253	06
Cộng	174	4.789	467	4.322	81

4. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học

Huyện (TX, TP)	Số Trường Tiểu học	Tổng số CBQL, GV	Chia ra		Trong đó GV người DTTS
			CBQL	GV	
Biên Hòa	66	3 004	159	2 845	33
Vĩnh Cửu	18	619	40	579	16
Trảng Bom	33	1 142	69	1 073	10
Thống Nhất	23	688	48	640	8

Định Quán	29	932	76	856	24
Tân Phú	25	815	62	753	17
Long Khánh	22	607	49	558	14
Xuân Lộc	35	1 087	84	1 003	18
Cẩm Mỹ	27	695	55	640	22
Long Thành	23	777	39	738	9
Nhơn Trạch	16	734	44	690	12
Cộng	317	11.100	725	10.375	183



Phụ lục 2

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

ĐANG CƯỜNG TIẾNG VIỆT CHO TRẺ EM DÂN TỘC THIẾU SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
01	- Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch của tỉnh	- Kế hoạch chi tiết của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện	- Sở Giáo dục và Đào tạo - UBND các huyện	- Các sở, ban, ngành có liên quan	- Ban hành Kế hoạch tháng 12/2018 - Tổ chức thực hiện (hàng năm)
02	- Tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hàng năm, từng giai đoạn và kết thúc Kế hoạch	- Hội nghị triển khai - Báo cáo kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai Đề án	- Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND các huyện	- Hội nghị triển khai tháng 12/2018
03	- Tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Kế hoạch	- Các bài viết, phóng sự, chuyên đề, chương trình phát thanh (báo hình, báo giấy, báo điện tử, hệ thống đài truyền thanh cơ sở)	- Sở Thông tin và Truyền thông	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các cơ quan báo chí; đài truyền hình; đài truyền thanh các huyện	- Năm 2018 - 2019

04	- Ban hành các cơ chế chính sách	- Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch	- Sở Giáo dục và Đào tạo - UBND các huyện	- Các đơn vị có liên quan	- Rà soát hàng năm
05	- Hỗ trợ tiền ăn; tiền chi phí học tập cho học sinh tiểu học, trẻ mầm non	- Hỗ trợ trực tiếp cho học sinh	- UBND các huyện	- Các đơn vị có liên quan	- Rà soát hàng năm
06	- Rà soát đầu tư xây dựng, mua sắm, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương	- Báo cáo tình hình rà soát thực hiện - Kế hoạch thực hiện chi tiết cho các trường, điểm trường	- UBND các huyện	- Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành liên quan - Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	- Rà soát hàng năm
07	- Bổ sung, thay thế, cung cấp thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, học liệu phù hợp cho tất cả các nhóm, lớp, điểm Trường Mầm non, tiểu học phục vụ việc tăng cường tiếng Việt	- Thiết bị dạy học tại các trường, điểm trường được bổ sung tăng cường	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học	- UBND các huyện	- Rà soát hàng năm
08	- Thiết kế và triển khai chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS	- Chương trình Phát thanh – Truyền hình tăng cường tiếng Việt trên Đài phát thanh đại phương - Các bài viết trên trang thông tin điện tử của huyện, Phòng Giáo dục	- UBND các huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo trực thuộc	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Thông tin và Truyền thông - Đài Truyền thanh các huyện	- Năm 2018 -2020

		và Đào tạo			
09	- Bồi dưỡng, tập huấn về tiếng Việt cho cha, mẹ trẻ em là người DTTS để xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng	- Tổ chức bồi dưỡng tiếng Việt cho cha mẹ trẻ là người DTTS theo tài liệu hướng dẫn do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn	- Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND các huyện - Hội phụ nữ; Đoàn thanh niên	- Năm 2018 - 2020
10	-Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy trẻ em người DTTS, cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ. - Bồi dưỡng hướng dẫn giáo viên khai thác sử dụng tài liệu, học liệu, tranh ảnh, băng đĩa về tăng cường tiếng Việt do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn	- Các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên theo tài liệu Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn	- UBND các huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo trực thuộc	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân	- Hàng năm
11	- Hướng dẫn xây dựng môi trường tiếng Việt trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học có trẻ DTTS - Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện	- Ban hành văn bản hướng dẫn - Thành lập đoàn kiểm tra	- Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND các huyện	- Hàng năm
12	- Hướng dẫn sử dụng phần mềm dạy tiếng Việt do Bộ Giáo dục và Đào tạo thiết kế	- Các lớp tập huấn	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, các cơ sở Giáo dục và Đào tạo có trẻ em	Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân	- Hàng năm

			người DTTS		
13	- Bồi dưỡng tiếng DTTS cho giáo viên dạy trẻ người DTTS	- Các lớp bồi dưỡng	- UBND các huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở Giáo dục và Đào tạo có trẻ em người DTTS	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân	- Hàng năm
14	- Tổ chức giao lưu "Tiếng Việt của chúng em" cho học sinh DTTS - Tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề về các hình thức tổ chức, các phương pháp dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS	- Tổ chức giao lưu - Hội nghị, hội thảo chuyên đề	- Phòng Giáo dục và Đào tạo - Các cơ sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học có trẻ DTTS	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân	- 2 năm/lần
15	- Huy động cán bộ, chiến sĩ bộ đội, các hội viên, đoàn viên của các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội tham gia dạy tiếng Việt cho cha mẹ trẻ em là người DTTS	- Các văn bản phối hợp liên ngành, các hoạt động/lớp dạy tiếng Việt	- UBND các huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo trực thuộc	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức, cá nhân	- Hàng năm